

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ TRUNG  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 19/2021/HNG -ST

Ngày: 26-4-2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**N C CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

**Vì thành phần Hội đồng xét xử thẩm phán có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Trần Thanh Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. ông Lê Văn Ký;

2. ông Đoàn Thân.

**Thẩm ký phiên tòa:** bà Lê Thị Thanh - Thẩm ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

**Điều tra viên kiêm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** bà Đoàn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai thẩm phán vụ án thụ lý số 172/2020/TLST-HNG ngày 28 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình”, theo Quy định của vụ án ra xét xử số 18/2021/Q-XXST-HNG ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các nguyên tố:

1. *Nguyên tố:* Ch. Phạm Thị L., sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh N, có mặt.

2. *Bên:* Anh L. Quý T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn , xã L, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong phiên khai kiện ngày 12/10/2020 và trong quá trình ghi ý quy định vụ án, nguyên tố là Ch. Phạm Thị L. trình bày: Ch. và anh L. Quý T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã L), huyện H, tỉnh T ngày 21/6/2012. Về chung sống gần 8 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chỉ bi, có quan hệ ngoại tình với người khác và thường xuyên đánh đập Ch. Do không chịu được nên Ch. L. đã bỏ về nhà bố mẹ sinh sống và sinh lý thân với anh T từ tháng 02 năm 2014 cho đến nay, thì gian ly thân với Ch. không

còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chồng L. Ngh. Tòa án ghi quyết cho chồng ly hôn anh L. Quyết T.

Vợ chồng: Chồng L. khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là L. Quyết B, sinh ngày 02/01/2013, hiện nay cháu B đang ở với chồng L. Chồng L. Ngh. chồng có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh T phải đi nuôi con chung cùng chồng.

Vợ tài sản: Chồng Phạm Thị L không yêu cầu Tòa án ghi quyết.

Tòa án đã xét thấy chồng L. Ngh. chồng có một con chung, cháu tên là L. Quyết B, sinh ngày 02/01/2013, hiện nay cháu B đang ở với chồng L. Chồng L. Ngh. chồng có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh T phải đi nuôi con chung cùng chồng là phù hợp với quy định tại Điều 56;

Tại phiên tòa, nguyên nhân ghi nguyên yêu cầu khi kiện, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận xét, lý do, ghi quyết, quyết định của án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên nhân của việc chấp hành các quy định của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chồng L. Ngh. Tòa án ghi quyết cho ly hôn vợ anh T và chồng có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh T phải đi nuôi con chung cùng chồng là phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83, khoản 1, Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chồng L.

### **NHÂN NHẬT CÁI TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chồng cũ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Anh L. Quyết T đã có triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Tòa án tham gia phiên hòa giải nhưng anh T không có mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải của vụ án. Anh T cũng đã có Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chồng Phạm Thị L và anh L. Quyết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chồng L., nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T che giấu, có quan hệ ngoại tình với người khác và thường xuyên đánh đập. Kết quả xác minh ngày 15/01/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L. cho thấy, quá trình chung sống chồng L. và anh T xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2014 chồng L. bỏ vợ và nhà ở xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh N sinh sống và sống ly thân với anh T cho đến nay. Một thời gian dài vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chồng tố cáo sống chung gian dối chồng L. và anh T đã thất bại trong việc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi ý quyết cho chồng L có ly hôn với anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chồng Phạm Thị L khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là L Quý T B, sinh ngày 02/01/2013. Chồng L có ng xu t trình cho Tòa án b n sao gi y khai sinh c a cháu B, trong ó xác nh cháu B là con chung c a ch L và anh T. M t khác, cháu B c sinh ra trong th i k hôn nhân nên c s kh ng nh cháu B là con chung c a ch L và anh T. T khi vợ chồng s ng ly thân, cháu B do ch L nuôi d ng, cháu B c ng có nguy n v ng c v i m . tránh xáo tr n v tâm lý c ng nh vì ch c t p c a cháu, giao cháu B cho ch L tr c ti p nuôi d ng là phù h p. Ghi nh n s t nguy n c a ch L v vì c không yêu c u anh T ph i c p d ng nuôi con chung cùng ch .

[4]. Về tài s n: Chồng Phạm Thị L không yêu c u Tòa án ghi ý quyết, nên mi n xét.

[5]. Về án phí: Chồng Phạm Thị L ph i ch u án phí dân s s th m v hôn nhân theo quy nh c a pháp lu t.

*Vì các l trên,*

### **QUY T NH:**

C n c kho n 1, i u 56; i u 81; 82; 83, kho n 1, i u 88 Lu t Hôn nhân và gia đình năm 2014. i u 6; kho n 5, i u 27 Ngh quy t s 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 c a y ban th ng v Qu c H i.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn gi a ch Phạm Thị L và anh L Quý T.

2. Về con chung: Công nh n cháu L Quý T B, sinh ngày 02/01/2013 là con chung c a ch L và anh T. Giao cháu B cho ch L tr c ti p nuôi d ng, anh T không ph i c p d ng nuôi con chung cùng ch L.

Anh T có quy n, ngh a v th m nom con chung mà không ai c c n tr . Anh T không c l m d ng vì c th m nom con c n tr ho c gây nh h ng x u n vì c trông nom, ch m sóc, nuôi d ng, giáo d c con c a ch L.

3. Về án phí: Chồng Phạm Thị L ph i ch u 300.000 (*Ba tr m nghìn ng*) án phí dân s s th m v hôn nhân nh ng c tr s ti n t m ng án phí 300.000 (*Ba tr m nghìn ng*) ch L ã n p theo biên lai thu ti n s AA/2019/0009225 ngày 28/10/2020 t i Chi c c Thi hành án dân s huy n Hà Trung. Ch L ã n p ti n án phí.

4. Về quy n kháng cáo: Chồng L có quy n kháng cáo b n án trong th i h n 15 ngày, k t ngày tuyên án, anh T có quy n kháng cáo b n án trong th i h n 15 ngày k t ngày nh n c b n án ho c b n án c t ng t h p l .

Tr ng h p b n án c thi hành theo i u 2 Lu t Thi hành án Dân s thì ng i c thi hành án dân s , ng i ph i thi hành án dân s có quy n tho thu n thi hành án, quy n yêu c u thi hành án, t nguy n thi hành án ho c b c ng ch thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thi hành án  
cũng thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nội dung:**

- ... vụ;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện vì công ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Luật sư vụ án

**T/M. H I NG XÉT X S TH M**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trình Thanh Hằng**

**H I NG XÉT X S TH M**  
**Các H i th m nhân dân Th m phán - Ch t a phiên tòa**

Lê V n Ký oàn Thân Tr nh Thanh H ng



**N i nh n:**

- ng s ;
- VKSND huy n Hà Trung;
- C quan ã th c hi n vi c ng ký k t hôn;
- Chi c c Thi hành án dân s huy n Hà Trung;

**T/M. H I NG XÉT X S TH M**  
**Th m phán - Ch t a phiên tòa**

- L u h s v án

**Tr nh Thanh H ng**



